

UBND TỈNH LANG SON
SỞ TÀI CHÍNH

THÔNG BÁO KIỂM TRA BÁO CÁO QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO NĂM NGÂN SÁCH 2025
(Kèm theo Công văn số: 3320/TB-STC ngày 06 tháng 6 năm 2026 của Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp điều chỉnh giảm trong năm quyết toán	Thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm quyết toán ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán						Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán						Số vốn nộp điều chỉnh giảm hoàn trả NSNN trong năm quyết toán do được thanh toán kết luận của cơ quan thanh tra, KTTN...(kể cả công nợ đã nộp giảm trừ tại cột 8)	Tổng số vốn đã thanh toán khối lượng hoàn thành được quyết toán trong năm 2025	Lũy kế vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán chuyển sang các năm sau	Lũy kế số vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm quyết toán	
					Tổng số	Trong đó: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi (1)			Vốn kế hoạch được kéo dài	Giải ngân			Vốn kế hoạch năm quyết toán	Giải ngân			Số vốn còn lại chưa phân bổ, chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)								
										Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng		Vốn kế hoạch tiếp tục được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành		Vốn tạm ứng							
	TỔNG SỐ			1.356.150.660.368	1.288.021.277.200	257.205.000	-	-	6.597.132.000	2.124.420.000	362.520.000	1.761.900.000	4.472.712.000	15-18-11-14	-	19.667.000.000	18.561.197.400	18.561.197.400	-	922.454.200	183.348.400	-	18.923.717.400	2.019.105.000	1.308.706.894.600
	Vốn trong nước			1.356.150.660.368	1.288.021.277.200	257.205.000	-	-	6.597.132.000	2.124.420.000	362.520.000	1.761.900.000	4.472.712.000	-	19.667.000.000	18.561.197.400	18.561.197.400	-	922.454.200	183.348.400	-	18.923.717.400	2.019.105.000	1.308.706.894.600	
I	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) Khám bệnh, chữa bệnh 132			1.324.666.660.368	1.265.999.409.200	257.205.000	-	-	-	-	-	-	-	-	19.667.000.000	18.561.197.400	18.561.197.400	-	922.454.200	183.348.400	-	18.561.197.400	257.205.000	1.284.560.606.600	
2	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) Y tế khác 139			31.484.000.000	22.021.868.000	-	-	-	6.597.132.000	2.124.420.000	362.520.000	1.761.900.000	4.472.712.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	362.520.000	1.761.900.000	24.146.288.000
A	Các dự án thuộc kế hoạch năm 2025:			1.356.150.660.368	1.288.021.277.200	257.205.000	-	-	6.597.132.000	2.124.420.000	362.520.000	1.761.900.000	4.472.712.000	-	19.667.000.000	18.561.197.400	18.561.197.400	-	922.454.200	183.348.400	-	18.923.717.400	2.019.105.000	1.308.706.894.600	
I	Nguồn NS địa phương			1.324.666.660.368	1.265.999.409.200	257.205.000	-	-	-	-	-	-	-	-	19.667.000.000	18.561.197.400	18.561.197.400	-	922.454.200	183.348.400	-	18.561.197.400	257.205.000	1.284.560.606.600	
I	Ngành, lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh 132			1.324.666.660.368	1.265.999.409.200	257.205.000	-	-	-	-	-	-	-	-	19.667.000.000	18.561.197.400	18.561.197.400	-	922.454.200	183.348.400	-	18.561.197.400	257.205.000	1.284.560.606.600	
	Cần đầu			1.324.666.660.368	1.265.999.409.200	257.205.000	-	-	-	-	-	-	-	-	19.667.000.000	18.561.197.400	18.561.197.400	-	922.454.200	183.348.400	-	18.561.197.400	257.205.000	1.284.560.606.600	
	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 1 (TMDT 1.193.890, trđ đối ứng NST 301983)	KBNN khu vực VI-NV2	7221808	1.193.890.000.000	1.154.277.409.200	257.205.000									11.867.000.000	10.944.545.800	10.944.545.800		922.454.200	-		10.944.545.800	257.205.000	1.165.221.955.000	
	Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Lạng Sơn	KBNN khu vực VI-NV2	7003143	130.776.660.368	111.722.000.000										7.800.000.000	7.616.651.600	7.616.651.600			183.348.400		7.616.651.600	-	119.338.651.600	
II	Nguồn NS Trung ương (CTMTQG)			31.484.000.000	22.021.868.000	-	-	-	6.597.132.000	2.124.420.000	362.520.000	1.761.900.000	4.472.712.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	362.520.000	1.761.900.000	24.146.288.000
	CTMTQG PTKTXH vùng đồng bào DTTS&MN			31.484.000.000	22.021.868.000	-	-	-	6.597.132.000	2.124.420.000	362.520.000	1.761.900.000	4.472.712.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	362.520.000	1.761.900.000	24.146.288.000
I	Dự án: Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Y tế huyện Bình Gia	KBNN khu vực VI-NV2	8008912	31.484.000.000	22.021.868.000				6.597.132.000	2.124.420.000	362.520.000	1.761.900.000	4.472.712.000	-	-	-	-	-	-	-	-	362.520.000	1.761.900.000	24.146.288.000	